



## THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016

Kính gửi: Quý Cổ đông

Địa chỉ:

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viễn thông FPT trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2016 như sau:

- **Thời gian:** 8:00 Thứ Năm, ngày 02 tháng 06 năm 2016.
- **Địa điểm:** Phòng họp TP3200, Tầng 13, Tòa nhà FPT, đường Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội.
- **Tài liệu phục vụ Đại hội:**

Quý Cổ đông có thể nhận tại Ban Tài chính - Kế toán, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, điện thoại 04 7300 2222; hoặc truy cập trang web <https://fpt.vn> từ ngày 25/05/2016.

- **Ủy quyền tham dự Đại hội:**

Nếu Quý Cổ đông không tham dự Đại hội và ủy quyền cho người khác tham dự, để thuận tiện cho công tác tổ chức, xin vui lòng gửi giấy ủy quyền về Ban Tài chính - Kế toán, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT theo đường bưu điện hoặc fax về số 84 04 3795 0047 trước ngày 01/06/2016.

- **Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội phải mang theo các giấy tờ sau:**
  1. Thông báo mời họp;
  2. Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
  3. Giấy ủy quyền (nếu nhận ủy quyền tham dự Đại hội).

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Công ty Cổ phần Viễn thông FPT 2016.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VIỄN THÔNG  
FPT  
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Chu Thị Thanh Hà



Fpt Telecom

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT



# TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

THƯỜNG NIÊN 2016

Tháng 6/2016



**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

	<b>Trang</b>
Chương trình Đại hội (dự kiến)	1
Nội dung biểu quyết	2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo của Ban Kiểm soát	6
Tờ trình về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2015; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015; Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015	8
Tờ trình về Kế hoạch năm 2016; Chính sách trả cổ tức và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển kinh doanh năm 2016	10
Tờ trình về ngân sách thu nhập 2016 của HĐQT và Ban Kiểm soát	12
Tờ trình đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập	13
Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh	14
Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016	50



Fpt Telecom

## NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016

**Thời gian:** 8h00 Thứ Năm ngày 02 tháng 06 năm 2016

**Địa điểm:** Phòng họp TP3200, tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Duy Tân, Hà Nội  
Tầng trệt, tòa nhà FPT Telecom Tân Thuận, KCX Tân Thuận, Q7, TP. HCM

STT	Thời gian	Nội dung (dự kiến)	Chủ trì
1.	08:00-09:00	Đăng ký tham dự Đại hội	Ban tổ chức
2.	09:00-09:05	Báo cáo kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội	Đại diện Ban Kiểm soát (BKS)
3.	09:05-09:20	Chào cờ, khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu, Chủ tịch đoàn, chỉ định thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu và thông qua chương trình Đại hội	Ban tổ chức
4.	09:20-09:40	Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2015	Đại diện HĐQT
5.	09:40-09:50	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2015	Đại diện BKS
6.	09:50-10:20	Các tờ trình: 1. Thông qua các báo cáo HĐQT, BKS, BTGD; 2. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và Phương án sử dụng lợi nhuận năm 2015; 3. Thông qua kế hoạch năm 2016. Chính sách trả cổ tức, trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư kinh doanh phát triển năm 2016; 4. Thông qua ngân sách thù lao và hoạt động của HĐQT, BKS năm 2016; 5. Thông qua Điều lệ sửa đổi và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty 6. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2016	Đại diện Ban điều hành (BDH)
7.	10:20-10:30	Thảo luận các vấn đề biểu quyết	Chủ tọa
8.	10:30-10:40	Đại hội biểu quyết	Ban Kiểm phiếu
9.	10:40-11:10	Thảo luận các nội dung khác	Chủ tọa
10.	11:10-11:40	<i>Nghỉ giải lao</i>	
11.	11:40-11:45	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban Kiểm phiếu
12.	11:45-11:50	Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Đại diện HĐQT
13.	11:50-11:55	Thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông	Thư ký Đại hội
14.	11:55-12:00	Bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT



Fpt Telecom

**CÁC NỘI DUNG CẦN THÔNG QUA TẠI  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016  
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

- Nội dung 1:** Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị.
- Nội dung 2:** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.
- Nội dung 3:** Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015.
- Nội dung 4:** Thông qua Phương án sử dụng lợi nhuận và phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015.
- Nội dung 5:** Thông qua Kế hoạch năm 2016, Chính sách trả cổ tức và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển kinh doanh năm 2016.
- Nội dung 6:** Thông qua ngân sách thu nhập và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2016.
- Nội dung 7:** Thông qua Điều lệ sửa đổi và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.
- Nội dung 8:** Thông qua đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2015

Trong bối cảnh kinh tế Thế giới đang trên đà phục hồi với tốc độ chậm, nền kinh tế Việt Nam lại nằm trong số ít quốc gia có tốc độ phục hồi ấn tượng. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015 của Việt Nam đạt 6.68% vượt mục tiêu đề ra từ đầu năm là 6,2% và đạt cao nhất trong 5 năm qua (năm 2011 tăng 6,25%, năm 2012 tăng 5,25%, năm 2013 tăng 5,42%, năm 2014 tăng 5,98%).

Cùng nằm trong xu thế phục hồi của nền kinh tế Việt Nam, Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ nhân viên nỗ lực không ngừng, bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động nắm bắt và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh bằng những giải pháp đồng bộ đem lại kết quả khả quan.

Năm 2015, FPT Telecom tiếp tục tăng trưởng ấn tượng, tạo ra giá trị ngày một lớn hơn cho cổ đông. Doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 5.568 tỷ đồng, tăng trưởng 15.4% so với năm trước và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.040 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 882 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu thực tế đạt 5.956 đồng/cổ phần. Tổng tài sản của Công ty tính đến cuối năm 2015 đạt 7.964 tỷ đồng, tăng 55% so với năm trước. Vốn chủ sở hữu đạt 2.756 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ là 1.246 tỷ đồng.

Trong các mảng kinh doanh, internet băng thông rộng vẫn tăng trưởng tốt ở mức 31% so với năm 2014, mang lại doanh thu trên 3.660 tỷ đồng, chiếm 65% tổng doanh thu của Công ty. Doanh thu từ các dịch vụ kênh thuê riêng, dịch vụ thoại, dịch vụ cho thuê máy chủ và chỗ đặt máy chủ, lưu trữ web và tên miền đạt trên 1.270 tỷ, tương đương 22.9% tổng doanh thu. Năm 2015, lĩnh vực nội dung số thu hẹp hoạt động dẫn đến doanh thu giảm 52% so với năm 2014, đạt mức gần 448 tỷ.

Năm 2015, công ty đã hoàn thành việc triển khai chuyển đổi hạ tầng từ cáp đồng sang cáp quang (gọi tắt là Quang hóa) tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; Hệ thống tuyến trục với hơn 8.500 km đường trục, kết nối 59 chi nhánh, hạ tầng viễn thông của FPT Telecom ngày càng lớn mạnh, góp phần vào việc đảm bảo an toàn kết nối giữa các chi nhánh và hai miền Bắc – Nam.

Công ty xác định “Quang hóa là nền tảng hạ tầng cốt lõi để thực hiện mọi dịch vụ trên một kết nối” nên sau khi hoàn thành việc quang hóa ở Hà nội và Hồ Chí Minh công ty tiếp tục quang hóa tại 5 thành phố lớn. Năm 2016, công ty sẽ tiếp tục quang hóa thêm 6 tỉnh, thành phố tạo nền tảng vững chắc cho việc tăng trưởng trong tương lai.

Bên cạnh những dịch vụ truyền thống, một dịch vụ mũi nhọn khác của FPT Telecom là Truyền hình FPT. Truyền hình FPT mới bắt đầu được tập trung khai thác vào năm 2013 nhưng đã nhanh chóng thể hiện tiềm năng và cơ hội phát triển của mình. Riêng trong năm 2015, số lượng thuê bao truyền hình tăng mới cao gấp 5 lần so với năm 2014. Với hàm lượng công nghệ cao cùng định hướng nội dung phân khúc cho nhiều đối tượng, Truyền hình FPT giúp khách hàng trải nghiệm nhiều tính năng thông minh vượt trội như giám sát trẻ em, điều khiển qua các thiết bị cá nhân, chế độ đa ngôn ngữ, thưởng thức những nội dung giải trí, thể thao đặc sắc. Năm 2015, công ty bắt đầu đầu tư nghiên cứu tự sản xuất một số chương trình cho truyền hình FPT nhằm tạo bản sắc riêng và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Có thể nói, trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế trong nước và thế giới, việc duy trì được sự tăng trưởng ổn định và vượt bậc của FPT Telecom đã khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả trong các định hướng, quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo Công ty và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên FPT Telecom trong nỗ lực không ngừng gia tăng giá trị cho Cổ đông.

## **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015**

Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện họp và quyết định những vấn đề:

- Phê duyệt chương trình nâng cấp hạ tầng quang hoá tại 5 tỉnh, thành phố lớn.
- Phê duyệt đề xuất Đầu tư Dự án tuyến cáp AAE-1.
- Giao cho Ban giám đốc tổ chức thực hiện việc rà soát, sửa đổi Điều lệ Công ty theo Luật doanh nghiệp 2014.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý.

### **TIỀN THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT**

Thù lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát phải trả trong năm 2015 là 144 triệu đồng.  
Số đã trả trong năm 2015 là 72 triệu đồng.

### **KẾ HOẠCH NĂM 2016**

Trong năm 2016, Công ty sẽ tiếp tục triển khai việc quang hóa hạ tầng tại các tỉnh, thành phố lớn với kế hoạch 6 tỉnh, thành phố.

Năm 2016, Công ty đặt mục tiêu doanh thu là 6.560 tỷ đồng, tăng trưởng 17.8%. Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2016 là 1.052 tỷ đồng.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**CHU THỊ THANH HÀ**



## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Viễn thông FPT đã tiến hành những hoạt động sau:

- Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015,
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về thành lập, tổ chức lại các chi nhánh công ty,
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về việc kế hoạch phân chia lợi nhuận để trình đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt,
- Tham gia các buổi làm việc của Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Viễn thông FPT về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện,
- Xem xét các báo cáo kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc và Ban Kế hoạch Tài chính chuẩn bị,
- Xem xét các báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập.

### **KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY**

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ và chế độ giao ban vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp.

Ban Kiểm soát đồng ý với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập.

### **KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ**

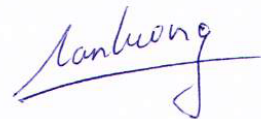
Trong năm 2015, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT.

Ban Kiểm soát cho rằng các cán bộ quản lý Công ty Cổ phần Viễn thông FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành hoạt động của Công ty.

### **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG**

Trong năm 2015, các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Các ý kiến quan trọng của các thành viên Ban Kiểm soát được trao đổi kịp thời với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan. Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đều phù hợp và đáp ứng được quyền lợi của cổ đông.

**T/M. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**LƯƠNG QUỐC LÂN**



Fpt Telecom

Hà Nội, ngày 25/5/2016

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT NĂM 2016**

*V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 và chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015*

Trân trọng kính trình Đại hội,

Hội đồng Quản trị (HDQT) Công ty xin kính trình Đại hội thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2015; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015; và Phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015. Cụ thể như sau:

**1. Báo cáo Tài chính Kiểm toán năm 2015**

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 (gửi kèm trong Tài liệu ĐHĐCĐ). Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản và thu nhập cổ đông năm 2015 đã được kiểm toán:

*Đơn vị: tỷ đồng*

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2014	% tăng/giảm
1	Doanh thu	5.568	4.825	15,4%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.040	930	11,8%
3	Thuế TNDN	158	167	-5,4%
4	Lợi nhuận sau thuế	882	763	15,6%
	- Lợi ích cổ đông thiểu số	54	27	104,5%
	- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	828	737	12,4%
5	EPS cơ bản (đồng/cổ phiếu)	5.956	5.322	11,9%

**2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015**

- Căn cứ:
  - o Chính sách cổ tức bằng tiền mặt 2015 đã được ĐHĐCĐ 2015 phê duyệt với mức cổ tức không thấp hơn 2.000 đ/cổ phiếu.
  - o Tình hình kết quả tài chính 2015 và kế hoạch 2016 của công ty.
- Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2015 là 2.000 đồng/cổ phiếu, trong đó:
  - o Cổ tức tạm ứng trong năm 2015: không có.
  - o Cổ tức còn lại sẽ chi sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt: 2.000 đồng/cổ phần.
  - o Thời điểm chi trả: Quý 3/2016.
  - o Ủy quyền cho HDQT triển khai chi tiết việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt.



Fpt Telecom

### 3. Phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015

- Căn cứ:
  - o Báo cáo Tài chính Kiểm toán năm 2015.
- Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:
  - o Tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu là 10% (cổ đông sở hữu 10 cổ phần hiện hữu được chia thêm 01 cổ phần mới).
  - o Nguồn vốn thực hiện: từ nguồn lợi nhuận để lại.
  - o Phương án xử lý cổ phần lẻ phát sinh: số lượng cổ phần mới phát hành để thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu mà mỗi cổ đông nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ hủy bỏ.
  - o Thời gian thực hiện: trong năm 2016.
  - o Ủy quyền cho HĐQT triển khai chi tiết việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**T/M: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**CHU THỊ THANH HÀ**



Fpt Telecom

Hà Nội, ngày 25/5/2016

## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT NĂM 2016

V/v: Thông qua Kế hoạch năm 2016; Chính sách trả cổ tức 2016 và  
Trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển kinh doanh 2016

Trân trọng kính trình Đại hội,

Hội đồng Quản trị (HDQT) Công ty xin kính trình Đại hội thông qua Kế hoạch năm 2016; Chính sách trả cổ tức và trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển kinh doanh năm 2016. Cụ thể như sau:

#### 1. Kế hoạch kinh doanh năm 2016

- Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt kế hoạch năm 2016.

Đơn vị: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2015	% tăng/giảm
1	Doanh thu	6.560	5.568	17,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.052	1.040	1,1%
3	Dự án đầu tư			
	- Quang hóa các tỉnh (phase 1)	183	117	56,4%
	- Quang hóa các tỉnh (phase 2)	300	-	n/a
4	Nhân sự	8.510	7.390	15,2%
5	EPS (đồng/cổ phiếu)	6.020	5.956	1,1%

#### 2. Kế hoạch trả cổ tức, trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển kinh doanh năm 2016

- Căn cứ:
  - o Kế hoạch kinh doanh năm 2016 và Kế hoạch đầu tư năm 2016.
- Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Chính sách trả cổ tức năm 2016 và việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển kinh doanh năm 2016 như sau:
  - o Đề xuất kế hoạch trả cổ tức 2016 không thấp hơn 2.000 đồng/cổ phiếu.
  - o Đề xuất trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi không quá 10% lợi nhuận sau thuế.
  - o Đề xuất trích lập quỹ đầu tư phát triển kinh doanh không quá 15% lợi nhuận sau thuế.



Fpt Telecom

- Hội đồng Quản trị căn cứ kết quả kinh doanh thực tế để quyết định mức tạm ứng cổ tức tại các thời điểm phù hợp, đảm bảo không ảnh hưởng tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Mức cổ tức của cả năm 2016 sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH





Fpt Telecom

Hà Nội, ngày 25/5/2016

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT NĂM 2016**

*V/v: Thông qua ngân sách thu nhập và hoạt động năm 2016  
của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát*

Trân trọng kính trình Đại hội,

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Viễn thông FPT năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015 và tình hình chi trả thu nhập thực tế HĐQT và BKS năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết HĐQT số 02-2016/NQ-HĐQT/FTEL, ký ngày 13/04/2016.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty xin kính trình Đại hội thông qua ngân sách thu nhập và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2016 như sau:

**1. Thu nhập và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015**

- Thù lao cho các thành viên HĐQT không tham gia điều hành: 120.000.000 đồng/năm.
- Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát: 24.000.000 đồng/năm.
- Ngân sách hoạt động khác: không phát sinh.
- Tổng ngân sách thu nhập và hoạt động năm 2015 là 144.000.000 đồng.

**2. Ngân sách thu nhập của Hội đồng Quản trị và thù lao của Ban Kiểm soát năm 2016**

- Thù lao cho các thành viên HĐQT không tham gia điều hành: 120.000.000 đồng/năm.
- Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát: 24.000.000 đồng/năm.
- Ngân sách hoạt động khác: 10.000.000 đồng/năm.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần FPT và các công ty thành viên của Công ty Cổ phần FPT không nhận thù lao.
- Tổng ngân sách thu nhập và hoạt động là 154.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

  
**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**CHU THỊ THANH HÀ**



Fpt Telecom

Hà Nội, ngày 25/5/2016

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT NĂM 2016**

*V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2016*

Trân trọng kính trình Đại hội,

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Yêu cầu lựa chọn công ty kiểm toán;

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty xin kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua đề xuất lựa chọn một (1) trong bốn (4) công ty kiểm toán độc lập sau (Big 4) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty gồm:

- 1) Công ty KPMG
- 2) Công ty Deloitte
- 3) Công ty PwC
- 4) Công ty Ernst & Young

và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn công ty kiểm toán cụ thể.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**CHU THỊ THANH HÀ**



Fpt Telecom

Hà Nội, ngày 25/5/2016

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT NĂM 2016**

*V/v: Thông qua đề xuất sửa đổi Điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.*

Trân trọng kính trình Đại hội,

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 19/10/2015;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Dự thảo Điều lệ sửa đổi của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty xin kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (*chi tiết sửa đổi trong bản dự thảo đính kèm*) và bổ sung ngành nghề kinh doanh như sau:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
J	59				Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc
		591			Hoạt động điện ảnh và sản xuất chương trình truyền hình
			5911		Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
				59111	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh
				59112	Hoạt động sản xuất phim video
				59113	Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình
			5912	59120	Hoạt động hậu kỳ
			5913	59130	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
			5914		Hoạt động chiếu phim
				59141	Hoạt động chiếu phim cố định
				59142	Hoạt động chiếu phim lưu động
		592	5920	59200	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc
J	60				Hoạt động phát thanh, truyền hình
		601	6010	60100	Hoạt động phát thanh
J	63				Hoạt động dịch vụ thông tin
		631			Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin
			6311	63110	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
			6312	63120	Cổng thông tin
		632			Dịch vụ thông tin khác
			6321	63210	Hoạt động thông tấn
			6329	63290	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.



**CHU THỊ THANH HÀ**



**DỰ THẢO NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH**

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ, lý do
1	<p><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p> <p>“Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005; Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 16 tháng 4 năm 2010”</p>	<p><b>PHẦN MỞ ĐẦU</b></p> <p>“Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (dưới đây gọi là “Công ty”), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông tổ chức vào ngày ... tháng ... năm 2016.”</p>	<p>Phù hợp với ngày thông qua Điều lệ này.</p>
2	<p><b>Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ</b></p> <p>“a. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.</p> <p>c. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p>d. “Cán bộ quản lý” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.”</p>	<p><b>Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ</b></p> <p>“a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c. “Ngày thành lập” là ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.</p> <p>d. “Hội đồng Quản trị” hay “HDQT” có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty.</p> <p>e. “Cán bộ quản lý” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.”</p>	<p>Sửa để thống nhất với định nghĩa về vốn điều lệ của Luật DN 2014.</p> <p>Phù hợp về thời gian sửa đổi, điều lệ.</p> <p>Bổ sung định nghĩa về HDQT và các định nghĩa trong Luật DN 2014.</p>
3	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>“3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Địa chỉ: 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội</p> <p>- Điện thoại: 84-4-7300 8888</p> <p>- Fax: 84-4-3726 2163</p>	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b></p> <p>“3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội</p> <p>- Điện thoại: 84-4-7300 2222</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và quy định tại Điều 13 và Điều 14 Luật DN 2014.</p>



	<p>- E-mail: <a href="mailto:web-info@fpt.vn">web-info@fpt.vn</a> / <a href="mailto:support@fpt.vn">support@fpt.vn</a></p> <p>- Website: <a href="http://www.fpt.net">www.fpt.net</a></p>	<p>- Fax: 84-4-3795 0047</p> <p>- E-mail:</p> <p>- Website: <a href="http://www.fpt.vn">www.fpt.vn</a></p>	
4	<p><b>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>"1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là</p> <p>...</p> <p>- Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế;</p> <p>- Dịch vụ phát hành phim ảnh, giải trí, giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet."</p>	<p><b>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b></p> <p>"1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là</p> <p>...</p> <p>- Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế;</p> <p>- Dịch vụ phát hành phim ảnh, giải trí, giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet;</p> <p>- Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc;</p> <p>- Hoạt động phát thanh, truyền hình;</p> <p>- Hoạt động xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin và dịch vụ thông tin khác; và</p> <p>- Các ngành nghề kinh doanh khác khi điều kiện của Công ty cho phép, được Hội đồng Quản trị phê chuẩn và phù hợp với quy định của pháp luật."</p>	Sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.
5	<p><b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b></p> <p>"2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng Quản trị phê chuẩn."</p>	<p><b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b></p> <p>"2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh."</p>	Theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 Luật DN 2014 về Quyền của Doanh nghiệp.
6	<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>"1. Vốn điều lệ của Công ty là 593.977.100.000 (Năm trăm chín mươi ba tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 59.397.710 cổ phần (Năm mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm mười cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>Vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát</p>	<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>"1. Vốn điều lệ, việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng Cổ đông thông qua vào từng thời điểm, được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được công bố theo quy định của pháp luật.</p> <p>Chi tiết vốn điều lệ từ ngày thành lập đến nay của Công ty được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này."</p>	Sửa cho phù hợp với Vốn điều lệ tại ngày thông qua.

	hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.”		
7	<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>“2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phần của Công ty và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền đặt mua cho phép người nắm chứng quyền được mua cổ phần của Công ty, tại thời điểm người nắm giữ các trái phiếu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo qui định của phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, vốn điều lệ của Công ty sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi hoặc đặt mua và Công ty sẽ phát hành cho những người nắm giữ trái phiếu và/hoặc chứng quyền đã thực hiện quyền như trên một số cổ phần mới tương ứng theo qui định của phương án phát hành đã được phê duyệt.”</p>	<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>“2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ và đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; hoặc phát hành cổ phiếu để hoán đổi nhằm hợp nhất, sáp nhập. Trong trường hợp Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phần của Công ty và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền đặt mua cho phép người nắm chứng quyền được mua cổ phần của Công ty, tại thời điểm người nắm giữ các trái phiếu nêu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo qui định của phương án phát hành đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, vốn điều lệ của Công ty sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi hoặc đặt mua mà không cần phải xin thêm chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp đó, Hội đồng Quản trị coi như đã được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền để thực hiện các thủ tục và chỉ đạo hoàn tất các vấn đề có liên quan để điều chỉnh vốn điều lệ tương ứng, thực hiện phương án phát hành được phê duyệt, phát hành cho những người nắm giữ trái phiếu và/hoặc chứng quyền đã thực hiện quyền như trên một số cổ phần mới tương ứng theo qui định của phương án phát hành đã được phê duyệt.”</p>	Bổ sung trường hợp tăng vốn cho chuyển nợ thành vốn góp và hoán đổi cổ phiếu theo quy định pháp luật về chứng khoán.
8	<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>“5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 20 ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần</p>	<p><b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b></p> <p>“5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị</p>	Sửa đổi theo Điều 5 Điều lệ mẫu, Thông tư 121/2012.

	<p>cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.”</p>	<p>thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.”</p>	
9	<p><b>Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu</b></p> <p>“1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ đông tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.</p> <p>2. Chứng nhận cổ đông phải có dấu của Công ty và chữ ký của chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ đông phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ đông ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</p> <p>3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ đông.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ đông, số lượng thay đổi tăng giảm sẽ được ghi trong chứng nhận cổ đông của người mua và người bán.</p> <p>5. Trường hợp chứng nhận cổ đông bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phần đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>6. Người sở hữu chứng nhận cổ đông phải</p>	<p><b>Điều 6. Chứng nhận sở hữu cổ phần</b></p> <p>“1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép Thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính, trong trường hợp Công ty đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký hoặc Công ty niêm yết thì sổ đăng ký cổ đông còn được lưu giữ cả tại Trung tâm lưu ký.</p> <p>2. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</p> <p>3. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty (người được ủy quyền); hoặc dấu của tổ chức được Công ty ủy quyền quản lý cổ đông và chữ kí của người đại diện theo pháp luật (người được ủy quyền) của tổ chức đó. Chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.”</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 120 và Điều 121 Luật DN 2014 và Điều 6 Điều lệ mẫu công ty đại chúng theo Thông tư 121/2012.</p> <p>Hiện tại đang ủy quyền cho tổ chức quản lý cổ đông in Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.</p>

	<p>tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng Quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng Quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.”</p>		
10	<p><b>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</b></p> <p>“3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng cổ tức.”</p>	<p><b>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</b></p> <p>“3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.”</p>	Sửa cho phù hợp với Điều lệ mẫu, Thông tư 121/2012.
11	<p><b>Điều 9. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>“3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.”</p>	<p><b>Điều 9. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>“3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.”</p>	Theo quy định tại Điều 9 Điều lệ mẫu, Thông tư 121/2012 và Điều 111 Luật DN 2014.
12	<p><b>Điều 13. Quyền của cổ đông</b></p> <p>“2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;</p> <p>b. Nhận cổ tức;</p> <p>e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p>	<p><b>Điều 13. Quyền của cổ đông</b></p> <p>“2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 114, Luật DN 2014.

	<p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;”</p>	<p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;”</p>	
13	<p><b>Điều 13. Quyền của cổ đông</b></p> <p>“3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 26.3 và Điều 38.2;</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;”</p>	<p><b>Điều 13. Quyền của cổ đông</b></p> <p>“3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 2 Điều 26 và Khoản 2 Điều 39;</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều 114 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Xem xét các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;</p> <p>d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và”</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 114, Luật DN 2014.</p>
14	<p><b>Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>“3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện</p>	<p><b>Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>“3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 115 Luật DN 2014.</p>

	<p>một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.”</p>	<p>liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.”</p>	
15	<p><b>Điều 15. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>“1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p>	<p><b>Điều 15. Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>“1. Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.”</p> <p>2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 136 Luật DN 2014.</p>

	<p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;”</p>	<p>ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;”</p>	
16	<p><b>Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>“1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>b. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.”</p>	<p><b>Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>“1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban Kiểm soát;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.”</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 135 và Điều 136 Luật DN 2014.
17	<p><b>Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>“2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm</p>	<p><b>Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>“2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 135 và Điều 136 Luật DN 2014.

	<p>Tổng giám đốc;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;”</p>	<p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>m. Quyết định mua lại hơn 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;”</p>	
18	<p><b>Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>“3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại Điều 16.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu cho tất cả các cổ đông hiện hữu.”</p>	<p><b>Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>“3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.”</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 135 và Điều 136 Luật DN 2014.</p> <p>Theo quy định tại Điều 14 Điều lệ mẫu, Thông tư 121/2012.</p>
19	<p><b>Điều 18. Thay đổi các quyền</b></p> <p>“1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 16.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p> <p>2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như</p>	<p><b>Điều 18. Thay đổi các quyền</b></p> <p>“1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p> <p>2. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát</p>	<p>Sửa đổi theo điều 144 Luật DN 2014.</p>

	<p>nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.”</p>	<p>hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.”</p>	
20	<p><b>Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>“2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.”</p>	<p><b>Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>“2. Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách này được lập không sớm hơn 45 (bốn mươi lăm) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>g. Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông đến từng cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.”</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 137 và Điều 139 Luật DN 2014.</p>
21	<p><b>Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>“3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được</p>	<p><b>Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>“3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 139 Luật DN 2014.</p>

	<p>thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.”</p>	<p>giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.”</p>	
22	<p><b>Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>“1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu</p>	<p><b>Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>“1. Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp có quyền huỷ cuộc họp đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần biểu quyết.</p>	Sửa đổi theo Điều 141 Luật DN 2014

	<p>cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>4. Theo đề nghị, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 19.3 của Điều lệ này.”</p>	<p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự.</p> <p>4. Chỉ có Đại hội đồng Cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.”</p>	
23	<p><b>Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>“2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.”</p>	<p><b>Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>“2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được kiểm sau. Tổng số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành từng vấn đề hoặc không ý kiến, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.”</li> </ol>	<p>Sửa đổi theo Điều 142 Luật DN 2014</p> <p>Bổ sung theo Điều 140 Luật DN 2014 trong các trường hợp áp dụng các hình thức hiện đại trong tổ chức ĐHCĐ (họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử...).</p>

24	<p><b>Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>"4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng Quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p> <p>5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p> <p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 21, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p> <p>10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến</p>	<p><b>Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>"5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người có thể làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>6. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng Cổ đông. Riêng chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>11. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa</p>	Sửa đổi theo Điều 142 Luật DN 2014
----	--	--	------------------------------------

	hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó;"	điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");"	
25	<p><b>Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>"1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 22, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo nguyên tắc dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo số sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu đồng ý của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông."</p>	<p><b>Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>"1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; b. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ; c. Tổ chức lại, sáp nhập giải thể Công ty; d. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>4. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 144 Luật DN 2014.

		<p>từ của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ.</p> <p>5. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.”</p>	
26	<p><b>Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>“1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;”</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại</p>	<p><b>Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</b></p> <p>“1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này, Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.”</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;”</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 145 Luật DN 2014.</p>

<p>diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p> <p>5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây.</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p> <p>5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây.</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử (website) thì việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị</p>	
---	--	--

		như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, trừ những trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này.	Sửa đổi bổ sung theo Điều 145 Luật DN 2014.
27	<b>Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b> “Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.”	<b>Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông</b> “Người chủ trì Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông kết thúc.”	Sửa đổi bổ sung theo Điều 146 Luật DN 2014.
28	<b>Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> “1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.”	<b>Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</b> “1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; trừ trường hợp quy định tại khoản 7, Điều 19 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài có thẩm quyền, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức Đại hội đồng Cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này, thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.”	Sửa đổi bổ sung theo Điều 147 và Điều 148 Luật DN 2014.
29	<b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</b>	<b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</b>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 150 Luật DN

	<p>“1. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>2. Có ít nhất 03 (ba) thành viên của Hội đồng Quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị.”</p>	<p>Không qui định về số lượng thành viên HĐQT độc lập</p>	<p>2014.</p>
<p>30</p>	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>6. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết là người nắm giữ cổ phần của Công ty.”</p>	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Trong trường hợp này, các thành viên Hội đồng Quản trị đương nhiệm có quyền đề cử ứng cử viên đạt đủ tiêu các tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ và pháp luật có liên quan. Hội đồng Quản trị sau đó sẽ tiến hành biểu quyết theo nguyên tắc quá bán để chọn ra ứng viên có đủ điều kiện trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.</p> <p>4. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng Cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng Cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p> <p>5. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp: số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 150 Luật DN 2014.</p> <p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 156 Luật DN</p>

		quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;”	2014.
31	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“5. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, và trong thời gian này Hội đồng Quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.”</p>	<p><b>Điều 27. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“1. Thành viên Hội đồng Quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc trừ trường hợp được phê chuẩn bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên hay những trường hợp khác phù hợp với pháp luật và Điều lệ quy định.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.”</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 156 Luật DN 2014.
32	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội</p>	<p><b>Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định.</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 149 Luật DN 2014 và sắp xếp lại theo trật tự

<p>đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>b. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh bao gồm cả kế hoạch ngân sách và kế hoạch nhân sự hàng năm;</p> <p>e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>j. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>k. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng Quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý;</p> <p>l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>m. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty."</p>	<p>Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>b. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>f. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>l. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền;</p> <p>s. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>t. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p> <p>u. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>r. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;</p> <p>g. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>e. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>h. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác theo thẩm quyền;</p> <p>j. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>m. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>v. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý</p>	
--	---	--

		<p>kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>w. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.”</p>	
33	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:</p> <p>d. Chi định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách có giá trị từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) vốn điều lệ của Công ty hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài với tư cách là cổ đông sáng lập hay là một bên góp vốn;</p> <p>“5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.”</p> <p>“9. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.”</p>	<p><b>Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:</p> <p>e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách có giá trị từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) vốn điều lệ của Công ty;</p> <p>i. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;”</p> <p>“5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.”</p> <p>“9. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.”</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 149 Luật DN 2014</p>

34	<p><b>Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.</p>	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người chịu trách nhiệm điều hành các công tác của Hội đồng Quản trị giữa hai kỳ họp, xem xét và quyết định các công tác quản trị của Công ty theo các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ nhiệm hoặc ngày bị bãi nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, dù là thường niên hay bất thường;</p> <p>b. Đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>c. Lập chương trình, kế hoạch hành động của Hội đồng Quản trị; tổ chức việc chuẩn bị nội dung, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Quản trị để bàn và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;</p> <p>d. Quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị theo Điều 28 của Điều lệ này trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường. Phê duyệt hình thức và nội dung Phiếu biểu quyết.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 152 Luật DN 2014.</p>
----	---	--	--

		<p>e. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các quyết định và các văn bản khác của Hội đồng Quản trị sau khi đã có sự thống nhất của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị (thể hiện trực tiếp bằng việc thông qua Biên bản hoặc Nghị quyết tại cuộc họp hoặc gián tiếp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị;</p> <p>f. Phân công các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng quản trị Công ty; Theo dõi, đôn đốc các thành viên Hội đồng Quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty; Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các tiểu ban và hội đồng của Hội đồng Quản trị tối thiểu 01 năm một lần, xác nhận với Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá đạt yêu cầu của Hội đồng Quản trị trước khi tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm;</p> <p>g. Kiểm tra, giám sát và đôn đốc các cán bộ quản lý trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị;</p> <p>h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.”</p>	
35	<p><b>Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý;</p> <p>b. Hai thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;</p> <p>d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.”</p> <p>“4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 29 phải được tiến hành trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày sau khi có đề xuất họp.”</p> <p>“8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các</p>	<p><b>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;</p> <p>b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng Quản trị.”</p> <p>“4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị.”</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 153 Luật DN 2014.</p>

<p>cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.”</p> <p>“13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng Quản trị sau đây:</p> <p>a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị;</p> <p>b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng</p>	<p>“8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.”</p> <p>“9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.”</p> <p>“13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.”</p>	
---	--	--

	<p>cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.”</p> <p>“14. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp.</p>	<p>“14. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp.”</p> <p>“17. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.”</p>	
36	<p><b>Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>“10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.”</p>	<p><b>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>Bỏ điều này vì đã quy định cụ thể tại Khoản 10 Điều 30 và Điều 36.</p> <p>“10. Biểu quyết</p> <p>d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 4 Điều 34 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.”</p>	<p>Bỏ điều này vì đã quy định cụ thể tại Khoản 10 Điều 30 và Điều 36.</p>
37	<p><b>Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b></p> <p>“1. Tổng giám đốc công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>c. Không đồng thời là Tổng giám đốc hoặc Giám đốc một công ty khác.”</p> <p>“2. Bổ nhiệm: Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc</p>	<p><b>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b></p> <p>“1. Tổng giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>c. Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đại diện phần vốn góp nhà nước tại Công ty.”</p> <p>“2. Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 65 Luật DN 2014.</p>

<p>một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.”</p> <p>“3. Nhiệm kỳ: Theo Điều 28 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.”</p> <p>“4. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng Quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d. Hội đồng Quản trị ấn định mức tối đa tổng số nhân viên và quỹ lương Công ty. Tổng giám đốc có quyền tự do thuê lao động theo nhu cầu của Công ty trên cơ sở định mức đó. Riêng đối với các chức vụ quan trọng của Công ty như Kế toán trưởng và một số chức vụ khác do Hội đồng Quản trị quy định, Tổng giám đốc phải thông qua Hội đồng Quản trị trước khi bổ nhiệm hay ký hợp đồng;</p> <p>e. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động,</p>	<p>một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.”</p> <p>“3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.”</p> <p>“4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;</p> <p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;</p> <p>f. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g. Tuyển dụng lao động;</p> <p>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị.”</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 157 Luật DN 2014.</p>
--	---	--

<p>mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>f. Hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;</p> <p>g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.</p> <p>“5. Báo cáo lên Hội đồng Quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.”</p>	<p>“5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</p> <p>6. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng Quản trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;”</p>	
---	---	--

	<p>“6. Bãi nhiệm: Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.”</p>	<p>“7. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.”</p>	
38	<p><b>Điều 33. Thư ký Công ty</b></p> <p>“Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li> <li>Làm biên bản các cuộc họp;</li> <li>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.”</li> </ol>	<p><b>Điều 34. Thư ký Công ty</b></p> <p>“Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một người làm Thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;</li> <li>Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</li> <li>Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;</li> <li>Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</li> <li>Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;”</li> </ol>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 152 Luật DN 2014.
39	<p><b>Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng</b></p> <p>“áp dụng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý”</p>	<p><b>Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng</b></p> <p>“áp dụng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác”</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu công ty niêm yết
40	<p><b>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>“áp dụng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý”</p> <p>“3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám</p>	<p><b>Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>“áp dụng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác”</p> <p>“3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu công ty niêm yết

	<p>đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.”</p> <p>“4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng Quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng Quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.”</p> <p>“Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.”</p>	<p>trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.”</p> <p>“4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.”</p> <p>“Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.”</p>	
41	<p><b>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p><i>“áp dụng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý”</i></p>	<p><b>Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p><i>“áp dụng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác”</i></p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu công ty niêm yết

	<p>“2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.”</p>	<p>“2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.”</p>	
42	<p><b>Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>“1. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất 01 (một) thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán ... Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cố đồng của công ty làm Trưởng ban.</p>	<p><b>Điều 39. Thành viên Ban Kiểm soát</b></p> <p>“1. Các thành viên Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Ban Kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 163 Luật DN 2014.</p>

	<p>2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.”</p>	<p>Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.”</p>	
43	<p><b>Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>“3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ này được công bố trên website công ty.”</p>	<p><b>Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>“3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản và nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.”</p>	Sửa cho phù hợp thứ tự các điều trong Điều lệ sửa đổi
44	<p><b>Điều 41. Cổ tức</b></p> <p>“4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc</p>	<p><b>Điều 42. Phân phối lợi nhuận</b></p> <p>“4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi</p>	Sửa cho phù hợp với thuật ngữ được dùng tại Điều 39 Điều lệ mẫu Thông tư 121.

<p>trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.”</p> <p>“5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông.”</p> <p>“7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.”</p> <p><b>Điều 42. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</b>  “Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo qui định của Pháp luật”</p>	<p>nghị quyết này.”</p> <p>“5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp.”</p> <p>“7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.”</p> <p>“8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.”</p>	
<p>45 <b>Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</b>  “1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau khi công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán) và báo cáo phải được kiểm toán</p>	<p><b>Điều 47. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý</b>  “1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau khi Công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán) và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại</p>	<p>Sửa cho phù hợp với Điều 43 Điều lệ mẫu Thông tư 121.</p>

	<p>theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.”</p> <p>“2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.”</p> <p>“3. Sau khi được phép niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.”</p> <p>“4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông bằng hình thức thích hợp và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán của công ty phải được công bố trên website đó.”</p>	<p>Điều 46 của Điều lệ này, và trong thời hạn theo quy định của pháp luật, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (trong trường hợp niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.”</p> <p>“2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.”</p> <p>“3. Sau khi được phép niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.”</p> <p>“4. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.”</p>	
46	<p><b>Điều 48. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b></p> <p>“Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ</p>	<p>Bỏ điều 48 và gộp chung vào Khoản 3, Điều 47</p>	

	quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.”		
47	<p><b>Điều 49. Kiểm toán</b></p> <p>“1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị.</p> <p>3. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.”</p>	<p><b>Điều 48. Kiểm toán</b></p> <p>“1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên sẽ chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị.”</p>	
48	<p><b>Điều 50. Con dấu</b></p> <p>“1. Con dấu chính thức của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.”</p>	<p><b>Điều 49. Con dấu</b></p> <p>“1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền quyết định về hình thức, số lượng, nội dung và quản lý con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện.</p> <p>2. Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.”</p>	Thêm khoản 1, khoản 2 theo quy định tại Điều 44 Luật DN 2014.
49	<p><b>Điều 51. Chấm dứt hoạt động</b></p> <p>“1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.”</p>	<p><b>Điều 50. Chấm dứt hoạt động</b></p> <p>“1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.”</p>	Bổ sung điều khoản về việc gia hạn hoạt động
50	Không có	<p><b>Điều 51. Gia hạn hoạt động</b></p> <p>“1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời gian hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.</p>	Bổ sung điều khoản về việc gia hạn hoạt động

		2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông thông qua.”	
51	<p><b>Điều 52. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông</b></p> <p>“Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng Quản trị hoạt động.</li> <li>2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị.</li> <li>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.”</li> </ol>	Đề xuất bỏ đi	Không cần thiết vì đã có Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ
52	<p><b>Điều 56. Ngày hiệu lực</b></p> <p>“1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 điều và phụ lục 01 kèm theo, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viễn thông FPT nhất trí thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2010 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.”</p>	<p><b>Điều 55. Ngày hiệu lực</b></p> <p>“1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 55 điều và phụ lục 01 kèm theo, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Viễn thông FPT nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2016 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.”</p>	Sửa đổi cho phù hợp với nội dung và thời gian sửa đổi điều lệ này
53	<b>Cập nhật số liệu của Phụ lục 01</b>	<b>Cập nhật số liệu của Phụ lục 01</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 32





## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Bà Chu Thị Thanh Hà	Chủ tịch
Ông Trương Gia Bình	Thành viên
Ông Lê Huy Chí	Thành viên
Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Hiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2015)

##### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khoa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Hùng Thắng	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Thị Mai Hương**  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MÃ SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				Phân loại lại
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.069.827.522.316</b>	<b>2.519.425.613.050</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>735.084.146.290</b>	<b>1.056.467.108.945</b>
1. Tiền	111		89.165.478.784	85.356.468.927
2. Các khoản tương đương tiền	112		645.918.667.506	971.110.640.018
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>1.065.618.640.271</b>	<b>11.946.730.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.065.618.640.271	11.946.730.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>994.443.714.741</b>	<b>629.259.481.054</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.105.558.992.502	740.427.032.138
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		38.173.919.833	39.867.524.006
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	52.653.328.211	13.965.953.019
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(201.942.525.805)	(165.001.028.109)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>505.586.733.297</b>	<b>264.580.219.314</b>
1. Hàng tồn kho	141		505.586.733.297	264.580.219.314
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>769.094.287.717</b>	<b>557.172.073.737</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	694.160.634.766	481.207.982.234
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		65.416.600.789	56.441.261.181
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	9.517.052.162	19.522.830.322
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.893.984.394.298</b>	<b>2.622.411.717.862</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.517.163.833</b>	<b>2.761.683.184</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.995.509.424	2.761.683.184
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.478.345.591)	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.093.536.634.223</b>	<b>2.158.625.095.442</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.932.247.837.849	1.994.356.872.831
- Nguyên giá	222		5.331.305.627.432	3.873.163.552.729
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.399.057.789.583)	(1.878.806.679.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	161.288.796.374	164.268.222.611
- Nguyên giá	228		260.956.804.541	246.771.901.537
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.668.008.167)	(82.503.678.926)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>217.795.128.330</b>	<b>180.863.190.313</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	217.795.128.330	180.863.190.313
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.352.439.050</b>	<b>10.704.588.541</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6	-	1.747.897.360
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	11.040.000.000	8.956.691.181
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(3.687.560.950)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>532.256.380.894</b>	<b>225.378.217.618</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	352.740.507.591	123.334.861.950
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		179.515.873.303	102.043.355.668
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>38.526.647.968</b>	<b>44.078.942.764</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.963.811.916.614</b>	<b>5.141.837.330.912</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				Phân loại lại
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.207.846.791.136</b>	<b>2.775.652.743.057</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.703.431.298.782</b>	<b>2.716.637.242.741</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.104.562.640.453	754.722.384.467
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.339.558.423	1.761.844.172
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	107.380.284.932	64.610.659.268
4. Phải trả người lao động	314		5.080.662.238	9.332.778.448
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	325.986.851.472	315.669.385.105
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	1.228.527.501.510	684.537.029.274
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	132.732.630.441	106.691.668.938
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.660.677.134.056	698.800.278.325
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	134.144.035.257	80.511.214.744
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>504.415.492.354</b>	<b>59.015.500.316</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	15	59.365.776.351	58.917.580.316
2. Phải trả dài hạn khác	337		404.134.497	97.920.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	444.645.581.506	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.755.965.125.478</b>	<b>2.366.184.587.855</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>2.755.965.125.478</b>	<b>2.366.184.587.855</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.246.198.090.000	1.246.198.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.246.198.090.000	1.246.198.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.652.995.729	7.652.995.729
3. Cổ phiếu quỹ	415		(300.150.000)	(300.150.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.315.078.342.245	954.159.363.225
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		577.807.675.264	282.910.770.763
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		737.270.666.981	671.248.592.462
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		187.335.847.504	158.474.288.901
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>7.963.811.916.614</b>	<b>5.141.837.330.912</b>

Nguyễn Thị Thu Hương  
 Người lập biểu

Ngày 03 tháng 3 năm 2016

Đỗ Thị Hương  
 Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hương  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				Phân loại lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	5.580.401.055.231	4.835.687.602.233
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	12.660.258.636	10.607.253.292
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		5.567.740.796.595	4.825.080.348.941
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	2.919.474.384.643	2.597.160.543.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.648.266.411.952	2.227.919.805.900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	65.549.140.411	57.446.621.874
7. Chi phí tài chính	22	28	84.873.618.113	18.856.145.093
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		66.726.228.145	15.117.378.136
8. Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(3.292.102.640)
9. Chi phí bán hàng	25		530.325.251.116	364.039.942.444
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.063.831.278.614	983.048.456.653
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		1.034.785.404.520	916.129.780.944
12. Thu nhập khác	31		8.684.601.280	23.105.307.553
13. Chi phí khác	32		3.123.269.736	8.843.299.901
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.561.331.544	14.262.007.652
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.040.346.736.064	930.391.788.596
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	235.036.725.541	188.946.958.717
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	(76.762.720.956)	(21.590.036.219)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		882.072.731.479	763.034.866.098
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		827.701.610.355	736.436.936.971
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		54.371.121.124	26.597.929.127
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	5.956	5.322

Nguyễn Thị Thu Hương  
 Người lập biểu

Ngày 03 tháng 3 năm 2016

Đỗ Thị Hương  
 Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hương  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

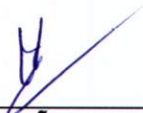
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.040.346.736.064</b>	<b>930.391.788.596</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	557.573.387.003	414.027.571.169
Các khoản dự phòng	03	42.107.404.237	33.883.653.820
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(391.128.131)	(264.604.232)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(57.599.276.540)	(57.337.918.943)
Chi phí lãi vay	06	66.726.228.145	15.117.378.136
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.648.763.350.778</b>	<b>1.335.817.868.546</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(381.261.312.095)	(171.100.427.222)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(242.899.675.817)	(145.998.159.619)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	819.931.655.324	340.733.641.325
Thay đổi chi phí trả trước	12	(451.333.637.781)	(29.812.832.293)
Tiền lãi vay đã trả	14	(31.834.625.339)	(13.911.118.331)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(196.082.948.641)	(224.866.183.907)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	719.417.204	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.697.581.651)	(365.640.196)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.160.304.641.982</b>	<b>1.090.497.148.303</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.484.795.577.755)	(1.030.486.710.793)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	320.600.000	11.240.184.893
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.053.671.910.271)	(7.946.730.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.400.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	5.468.636.362
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.628.942.277	47.962.189.699
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.494.517.945.749)</b>	<b>(982.162.429.839)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Công ty mẹ đã phát hành	32	-	(25.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.481.357.114.375	1.709.853.676.321
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.074.834.677.138)	(1.011.053.397.996)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(393.692.096.125)	(99.999.603.125)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.012.830.341.112</b>	<b>598.775.675.200</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(321.382.962.655)</b>	<b>707.110.393.664</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.056.467.108.945</b>	<b>349.356.715.281</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>735.084.146.290</b>	<b>1.056.467.108.945</b>

  
 Nguyễn Thị Thu Hương  
 Người lập biểu

Ngày 03 tháng 3 năm 2016

  
 Đỗ Thị Hương  
 Kế toán trưởng

  
 Vũ Thị Mai Hương  
 Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 09 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, là bản sửa đổi lần thứ 18 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 7 năm 2005.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.296 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.607).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)	153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	59,12%	Cung cấp dịch vụ game online, báo điện tử, thanh toán điện tử
Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận	Lô 37 - 39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Phòng G6, tầng 1, tòa nhà Etown, số 2, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác
Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT (FSS)	153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất phần mềm

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, đầu tư dài hạn khác và tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính và công nợ tài chính khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2015</b>
	<b>(Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Tài sản cố định khác	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn và được trình bày theo nguyên giá.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, giấy phép và quyền khai thác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2015</b>
	<b>(Số năm)</b>
Phần mềm máy vi tính	3 - 5
Giấy phép	3
Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway ("AAG")	15

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh các khoản khách hàng trả trước tiền cước dịch vụ viễn thông trong nhiều kỳ tính cước, các khoản khách hàng trả trước dịch vụ quảng cáo trực tuyến và tiền thuê văn phòng tại khu chế xuất Tân Thuận cho nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện sẽ được phân bổ vào doanh thu hoạt động kinh doanh hàng tháng khi khách hàng sử dụng dịch vụ.

**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi hàng năm được trích lập với số tiền không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

*Doanh thu dịch vụ viễn thông*

Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

*Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến*

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.705.418.845	1.645.868.301
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	86.460.059.939	83.710.600.626
Các khoản tương đương tiền	645.918.667.506	971.110.640.018
	<u>735.084.146.290</u>	<u>1.056.467.108.945</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>1.065.618.640.271</b>	<b>1.065.618.640.271</b>	<b>11.946.730.000</b>	<b>11.946.730.000</b>
a1) Ngắn hạn	1.065.618.640.271	1.065.618.640.271	11.946.730.000	11.946.730.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.061.618.640.271	1.061.618.640.271	7.946.730.000	7.946.730.000
- Các khoản đầu tư khác	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị</b>	<b>11.040.000.000</b>	<b>(3.687.560.950)</b>	<b>10.704.588.541</b>	<b>-</b>
b1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	1.747.897.360	-
b2) Đầu tư vào đơn vị khác	11.040.000.000	(3.687.560.950)	8.956.691.181	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sendo	5.040.000.000	(3.687.560.950)	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty PC World Việt Nam	-	-	2.956.691.181	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, do khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác chưa được niêm yết và hiện chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết. Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Lãi dự thu	16.477.531.130	4.622.337.739
Các khoản khác	36.175.797.081	9.343.615.280
	<b>52.653.328.211</b>	<b>13.965.953.019</b>

**8. NỢ XẤU**

Đối tượng	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi	248.035.137.663	46.092.611.858	201.696.194.697	36.695.166.588
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	248.035.137.663	46.092.611.858	201.696.194.697	36.695.166.588

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. NỢ XẤU (Tiếp theo)**

Các khoản phải thu quá hạn thể hiện các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông và không có khoản nợ phải thu nào chiếm từ 10% tổng số nợ quá hạn trở lên. Các khoản này đã được trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	107.988.129.370	-	58.534.155.811	-
Công cụ, dụng cụ	61.308.075.086	-	13.594.119.140	-
Hàng hoá	336.290.528.841	-	192.451.944.363	-
<b>Cộng</b>	<b>505.586.733.297</b>	<b>-</b>	<b>264.580.219.314</b>	<b>-</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí triển khai quang hóa	288.947.201.347	230.952.022.561
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	405.213.433.419	250.255.959.673
	<b>694.160.634.766</b>	<b>481.207.982.234</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí lắp đặt truyền hình trả tiền	231.193.175.317	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	121.547.332.274	123.334.861.950
	<b>352.740.507.591</b>	<b>123.334.861.950</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải thu/nợ	Số đã thu/nợ hoặc bù trừ	
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.431.485.311	-	9.987.055.683	9.444.429.628
Các loại thuế khác	91.345.011	183.636.722	202.359.199	72.622.534
<b>Cộng</b>	<b>19.522.830.322</b>	<b>183.636.722</b>	<b>10.189.414.882</b>	<b>9.517.052.162</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	13.133.027.471	355.049.714.712	351.091.030.070	17.091.712.113
- Thuế GTGT đầu ra	13.099.620.518	214.179.639.899	210.187.548.304	17.091.712.113
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	33.406.953	140.870.074.813	140.903.481.766	-
Thuế nhập khẩu	226.000	14.882.197.165	14.882.138.378	284.787
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.925.538.748	235.036.725.541	196.082.948.641	86.879.315.648
Các loại thuế khác	3.551.867.049	39.285.207.829	39.428.102.494	3.408.972.384
Thuế môn bài	-	135.500.000	135.500.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.035.061.019	33.541.681.318	32.483.867.290	3.092.875.047
Thuế khác	1.516.806.030	5.608.026.511	6.808.735.204	316.097.337
Các khoản phải nộp khác	-	173.059.211	173.059.211	-
<b>Cộng</b>	<b>64.610.659.268</b>	<b>644.426.904.458</b>	<b>601.657.278.794</b>	<b>107.380.284.932</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG FPT**

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MÃ SỐ B 09-DN/HN****12. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị quản lý		Tài sản cố định khác		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
<b>NGUYÊN GIÁ</b>											
Tại ngày 01/01/2015	154.393.710.565	3.066.818.257.323	52.313.136.564	571.471.504.314	28.166.943.963	3.873.163.552.729					
Tăng trong năm	(72.065.000)	1.401.298.526.828	2.256.921.819	11.893.906.926	56.224.794.611	1.471.602.085.184					
Tăng do mua sắm	225.494.000	1.389.444.154.739	2.256.921.819	11.000.036.775	56.224.794.611	1.459.151.401.944					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	10.751.267.443	-	-	-	10.751.267.443					
Phân loại lại	(297.559.000)	-	-	297.559.000	-	-					
Tăng khác	-	1.103.104.646	-	596.311.151	-	1.699.415.797					
Giảm trong năm	-	6.387.212.582	573.918.727	6.498.879.172	-	13.460.010.481					
Thanh lý, nhượng bán	-	6.387.212.582	573.918.727	6.498.879.172	-	13.460.010.481					
Tại ngày 31/12/2015	154.321.645.565	4.461.729.571.569	53.996.139.656	576.866.532.068	84.391.738.574	5.331.305.627.432					
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>											
Tại ngày 01/01/2015	22.633.413.552	1.372.325.947.887	22.779.111.136	452.641.729.186	8.426.478.137	1.878.806.679.898					
Tăng trong năm	6.565.025.443	465.223.513.473	3.226.089.284	42.767.577.698	15.728.203.183	533.510.409.081					
Khấu hao trong năm	6.565.025.443	465.233.696.734	3.226.089.284	42.767.577.698	15.718.019.922	533.510.409.081					
Phân loại lại	-	(10.183.261)	-	-	10.183.261	-					
Giảm trong năm	-	4.889.650.814	573.918.727	7.795.729.855	-	13.259.299.396					
Thanh lý, nhượng bán	-	4.889.650.814	573.918.727	6.498.879.172	-	11.962.448.713					
Giảm khác	-	-	-	1.296.850.683	-	1.296.850.683					
Tại ngày 31/12/2015	29.198.438.995	1.832.659.810.546	25.431.281.693	487.613.577.029	24.154.681.320	2.399.057.789.583					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
Tại ngày 31/12/2015	125.123.206.570	2.629.069.761.023	28.564.857.963	89.252.955.039	60.237.057.254	2.932.247.837.849					
Tại ngày 31/12/2014	131.760.297.013	1.694.492.309.436	29.534.025.428	118.829.775.128	19.740.465.826	1.994.356.872.831					

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 792.319 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: Khoảng 751.230 triệu VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy phép và quyền khai thác VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	12.708.112.000	208.837.195.047	25.226.594.490	246.771.901.537
Tăng trong năm	-	12.262.992.803	4.371.368.732	16.634.361.535
Tăng do mua trong năm	-	12.262.992.803	4.371.368.732	16.634.361.535
Giảm trong năm	-	-	2.449.458.531	2.449.458.531
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.034.129.862	1.034.129.862
Giảm khác	-	-	1.415.328.669	1.415.328.669
Tại ngày 31/12/2015	<u>12.708.112.000</u>	<u>221.100.187.850</u>	<u>27.148.504.691</u>	<u>260.956.804.541</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	-	71.888.799.607	10.614.879.319	82.503.678.926
Tăng trong năm	-	15.058.410.087	3.452.273.039	18.510.683.126
Khấu hao trong năm	-	15.058.410.087	3.452.273.039	18.510.683.126
Giảm trong năm	-	-	1.346.353.885	1.346.353.885
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.034.129.862	1.034.129.862
Giảm khác	-	-	312.224.023	312.224.023
Phân loại lại	-	(7.423.437.856)	7.423.437.856	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>-</u>	<u>79.523.771.838</u>	<u>20.144.236.329</u>	<u>99.668.008.167</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2015	<u>12.708.112.000</u>	<u>141.576.416.012</u>	<u>7.004.268.362</u>	<u>161.288.796.374</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>12.708.112.000</u>	<u>136.948.395.440</u>	<u>14.611.715.171</u>	<u>164.268.222.611</u>

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Dự án cáp biển APG	158.813.175.651	155.652.668.002
Hệ thống đường trục Bắc Nam (tuyến B)	-	7.982.725.648
Khác	58.981.952.679	17.227.796.663
	<u>217.795.128.330</u>	<u>180.863.190.313</u>

**15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về dịch vụ viễn thông	1.141.049.275.657	658.683.103.631
Các khoản khác	87.478.225.853	25.853.925.643
	<u>1.228.527.501.510</u>	<u>684.537.029.274</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về dịch vụ viễn thông	15.488.875.267	13.267.875.144
Các khoản khác	43.876.901.084	45.649.705.172
	<u>59.365.776.351</u>	<u>58.917.580.316</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí lương cán bộ nhân viên	152.996.057.093	206.827.819.596
Chi phí lãi vay	36.097.862.611	1.206.259.805
Các khoản khác	136.892.931.768	107.635.305.704
	<u>325.986.851.472</u>	<u>315.669.385.105</u>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	6.697.307.339	4.861.392.717
Bảo hiểm xã hội	1.226.942.235	821.529.591
Bảo hiểm y tế	48.982.182	63.126.913
Bảo hiểm thất nghiệp	33.816.995	28.725.539
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	296.989.033	226.173.658
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	113.410.482.921	76.995.181.282
Các khoản khác	11.018.109.736	23.695.539.238
	<u>132.732.630.441</u>	<u>106.691.668.938</u>

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	698.800.278.325	698.800.278.325	2.969.867.077.687	2.074.834.677.138	1.593.832.678.874	1.593.832.678.874
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)	-	-	66.844.455.182	-	66.844.455.182	66.844.455.182
<b>Cộng</b>	<u>698.800.278.325</u>	<u>698.800.278.325</u>	<u>3.036.711.532.869</u>	<u>2.074.834.677.138</u>	<u>1.660.677.134.056</u>	<u>1.660.677.134.056</u>

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	-	-	511.490.036.688	-	511.490.036.688	511.490.036.688
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>511.490.036.688</u>	<u>-</u>	<u>511.490.036.688</u>	<u>511.490.036.688</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu  
 Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	66.844.455.182	-
Trong năm thứ hai	170.523.344.939	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	274.122.236.567	-
	<u>511.490.036.688</u>	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng ( <i>được trình bày ở phần nợ ngắn hạn</i> )	66.844.455.182	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>444.645.581.506</b></u>	-

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

Trong năm 2014, Công ty và công ty con đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 76.183.333.551 VND theo Điều lệ của Công ty và công ty con. Tổng Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích năm 2014 đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty và công ty con phê duyệt trong năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền 90.926.224.323 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	124.619.809	124.619.809
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	30.015	30.015
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	124.589.794	124.589.794

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 1.246.198.090.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp tại ngày			
			31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
1. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	62.511.678	50,16%	62.511.678	50,16%	62.511.678	50,16%
2. Công ty Cổ phần FPT	56.766.318	45,55%	56.882.674	45,64%	56.882.674	45,64%
3. Các cổ đông khác	5.341.813	4,29%	5.195.442	4,18%	5.195.442	4,18%
	<b>124.619.809</b>	<b>100%</b>	<b>124.589.794</b>	<b>99,98%</b>	<b>124.589.794</b>	<b>99,98%</b>
Cổ phiếu quỹ			30.015	0,02%	30.015	0,02%
	<b>124.619.809</b>	<b>100%</b>	<b>124.619.809</b>	<b>100%</b>	<b>124.619.809</b>	<b>100%</b>

**Cổ tức**

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 5 năm 2015 phê duyệt việc trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền là 373.769.382.000 VND, tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 3.000 VND/cổ phiếu.

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	2.026.531	1.531.303

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác (trong nước và quốc tế). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 25.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán hàng	234.975.970.121	341.077.020.460
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.345.425.085.110	4.494.610.581.773
	<b><u>5.580.401.055.231</u></b>	<b><u>4.835.687.602.233</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán bị trả lại	(12.660.258.636)	(10.607.253.292)
	<b><u>(12.660.258.636)</u></b>	<b><u>(10.607.253.292)</u></b>

Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 32 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	220.020.636.014	245.734.287.958
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.699.453.748.629	2.351.426.255.083
	<b><u>2.919.474.384.643</u></b>	<b><u>2.597.160.543.041</u></b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	220.020.636.014	245.734.287.958
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	771.990.935.218	460.040.522.008
Chi phí nhân công	957.872.255.580	815.845.282.380
Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí phân bổ	626.374.390.136	553.557.299.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.769.960.677.667	1.737.925.425.816
Chi phí khác bằng tiền	167.412.019.758	131.146.124.268
	<b><u>4.513.630.914.373</u></b>	<b><u>3.944.248.942.138</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	55.484.135.668	34.504.830.605
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.669.395.634	2.557.431.435
Lãi từ bán, thoái vốn khoản đầu tư tài chính	3.292.102.640	20.198.607.702
Doanh thu hoạt động tài chính khác	103.506.469	185.752.132
	<b>65.549.140.411</b>	<b>57.446.621.874</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	66.726.228.145	15.117.378.136
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.751.929.557	3.467.915.886
Chi phí tài chính khác	395.460.411	270.851.071
	<b>84.873.618.113</b>	<b>18.856.145.093</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.040.346.736.064</b>	<b>930.391.788.596</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
- Doanh thu chưa thực hiện chuyển sang	(745.472.287.619)	(481.131.818.308)
- Giá vốn tương ứng doanh thu chưa thực hiện chuyển sang	168.120.011.748	60.567.288.189
- Chi phí không được khấu trừ	2.269.139.931	5.945.981.871
- Doanh thu đã phát hành hóa đơn nhưng chưa thực hiện	1.272.904.092.379	757.367.399.920
- Giá vốn tương ứng doanh thu chưa thực hiện	(343.132.916.768)	(224.672.971.387)
- Khoản điều chỉnh khác	(34.014.417.126)	(14.212.447.052)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.361.020.358.609</b>	<b>1.034.255.221.829</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	10% và 22%	10% và 22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>290.605.248.917</b>	<b>220.472.503.497</b>
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ (ii)	(55.568.523.376)	(31.525.544.780)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>235.036.725.541</b>	<b>188.946.958.717</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (iii)</b>	<b>(76.762.720.956)</b>	<b>(21.590.036.219)</b>
	<b>158.274.004.585</b>	<b>167.356.922.498</b>

(i) Công ty TNHH MTV Giải pháp Phần mềm Doanh nghiệp FPT và Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo thuế suất bằng 10% thu nhập chịu thuế. Công ty và các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo thuế suất bằng 22% thu nhập chịu thuế.

(ii) Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ là khoản ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN tại Công ty TNHH MTV Viễn thông FPT Tân Thuận (Dự án Tân Thuận).

(iii) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện các khoản doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho mục đích kế toán nhưng đã bao gồm trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm hiện tại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
<b>Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)</b>	<b>827.701.610.355</b>	<b>736.436.936.971</b>
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận công ty mẹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	(85.603.602.749)	(73.382.904.122)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>742.098.007.606</b>	<b>663.054.032.849</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	<b>124.589.794</b>	<b>124.589.794</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>5.956</b>	<b>5.322</b>

**31. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết đầu tư:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản cam kết đầu tư vào dự án cáp quang biển châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là Dự án APG) thông qua Hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng với Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel Group) và Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC. Đây là dự án xây dựng mạng cáp quang biển kết nối các nước trong khu vực châu Á (Việt Nam, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc và Thái Lan). Công ty Viettel Telecom là đại diện tham gia dự án này. Theo đó, Công ty cam kết góp vốn với tổng số tiền dự kiến là 10 triệu USD tương đương với 25% vốn góp của Viettel Telecom tại dự án này. Số tiền góp vốn sẽ được đóng theo tiến độ thực hiện của dự án và thông báo của Công ty Viettel Telecom. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, số vốn góp thực tế của Công ty trong hợp đồng hợp tác kinh doanh này là 7.511.837 USD tương đương 158.813.175.651 VND.

Các khoản cam kết thuê hoạt động:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	83.002.176.543	67.514.423.848

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	46.660.782.497	42.836.040.443
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	91.165.103.851	92.215.368.782
Sau năm năm	1.949.462.388	747.788.784
	<b>139.775.348.736</b>	<b>135.799.198.009</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.105.322.715.562	698.800.278.325
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	735.084.146.290	1.056.467.108.945
Nợ thuần	1.370.238.569.272	-
Vốn chủ sở hữu	<u>2.755.965.125.478</u>	<u>2.366.184.587.855</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,50</u>	<u>-</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	735.084.146.290	1.056.467.108.945
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.065.618.640.271	11.946.730.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	954.760.693.933	588.669.928.729
Đầu tư dài hạn khác	7.352.439.050	10.704.588.541
Tài sản tài chính khác	5.995.509.424	2.761.683.184
<b>Tổng cộng</b>	<u>2.768.811.428.968</u>	<u>1.670.550.039.399</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	2.105.322.715.562	698.800.278.325
Phải trả người bán và phải trả khác	1.218.469.388.407	850.268.918.326
Chi phí phải trả	325.986.851.472	315.669.385.105
Công nợ tài chính khác	404.134.497	97.920.000
<b>Tổng cộng</b>	<u>3.650.183.089.938</u>	<u>1.864.836.501.756</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	430.019.258.922	326.453.326.396	45.678.019.333	47.797.303.091
Đô la Hong Kong (HKD)	210.300.044	382.181.369	-	-
Đô la Singapore (SGD)	64.712.948	197.978.880	-	-

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	735.084.146.290	-	735.084.146.290
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.065.618.640.271	-	1.065.618.640.271
Phải thu khách hàng và phải thu khác	954.760.693.933	-	954.760.693.933
Đầu tư dài hạn khác	-	7.352.439.050	7.352.439.050
Tài sản tài chính khác	-	5.995.509.424	5.995.509.424
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.755.463.480.494</b>	<b>13.347.948.474</b>	<b>2.768.811.428.968</b>

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.660.677.134.056	444.645.581.506	2.105.322.715.562
Phải trả người bán và phải trả khác	1.218.469.388.407	-	1.218.469.388.407
Chi phí phải trả	325.986.851.472	-	325.986.851.472
Công nợ tài chính khác	-	404.134.497	404.134.497
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.205.133.373.935</b>	<b>445.049.716.003</b>	<b>3.650.183.089.938</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(449.669.893.441)</b>	<b>(431.701.767.529)</b>	<b>(881.371.660.970)</b>
-------------------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.056.467.108.945	-	1.056.467.108.945
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.946.730.000	-	11.946.730.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	588.669.928.729	-	588.669.928.729
Đầu tư dài hạn khác	-	10.704.588.541	10.704.588.541
Tài sản tài chính khác	-	2.761.683.184	2.761.683.184
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.657.083.767.674</b>	<b>13.466.271.725</b>	<b>1.670.550.039.399</b>

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	698.800.278.325	-	698.800.278.325
Phải trả người bán và phải trả khác	850.268.918.326	-	850.268.918.326
Chi phí phải trả	315.669.385.105	-	315.669.385.105
Công nợ tài chính khác	-	97.920.000	97.920.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.864.738.581.756</b>	<b>97.920.000</b>	<b>1.864.836.501.756</b>

<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(207.654.814.082)</b>	<b>13.368.351.725</b>	<b>(194.286.462.357)</b>
-------------------------------------	--------------------------	-----------------------	--------------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức có thể kiểm soát. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*****Danh sách các bên liên quan:***

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần FPT - Công ty mẹ	Công ty mẹ
Công ty TNHH Thương mại FPT (FTG)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT (FTP)	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phân phối FPT (FDC)	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT (FTP)	Cùng Tập đoàn

***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần FPT</b>		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	100.744.581.782
Chia cổ tức bằng tiền	170.648.022.000	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.556.395.287	9.009.021.565
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	40.795.493.656	43.569.203.702
<b>Các công ty liên quan</b>		
<b>Công ty TNHH Thương mại FPT (FTG)</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.171.986.965	6.254.597.162
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	867.412.197	71.144.010.845
<b>Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	15.347.797.475	562.367.510
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	366.904.650	-
<b>Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	10.638.282.465	9.325.922.991
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	53.680.370.463	50.755.122.451
<b>Công ty TNHH Phân phối FPT (FDC)</b>		
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	146.944.822.321	68.338.377.674
<b>Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	85.456.257	-
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	1.773.262.507	924.059.278
<b>Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT (FTP)</b>		
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	1.077.278.654	2.352.785.204

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		
Gửi tiền vào tài khoản trung của Công ty Cổ phần FPT	1.328.334.605	6.257.761.565
<b>Công nợ phải thu</b>		
Công ty Cổ phần FPT - Phải thu khác	116.567.450	1.140.753.859
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)	1.453.118.802	949.782.360
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	1.773.262.507	410.320.000
Công ty TNHH Thương mại FPT (FTG)	295.359.719	285.702.222
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	5.291.751.712	1.017.931.462
<b>Công nợ phải trả</b>		
Công ty Cổ phần FPT- Hàng hóa dịch vụ	15.864.410.685	20.965.389.915
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT (FIS)	17.500.844.739	7.988.047.210
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)	1.013.544.903	1.042.329.098
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	252.685.856	223.810.816
Công ty TNHH Phân phối FPT (FDC)	32.697.023.093	-
Công ty TNHH Thương mại FPT (FTG)	81.783.240	5.320.316.600
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT (FTP)	102.135.000	-

**34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 265.596.704.948 VND VND (năm 2014 là 468.170.965.808 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân thay đổi các khoản phải trả.

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 nhằm đảm bảo tính so sánh với số liệu tương ứng của năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

**35. SỔ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	
Tên chi tiêu	Mã số	Tên chi tiêu	Mã số
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			
<b>I. Tài sản</b>			
Đầu tư ngắn hạn	121	Chứng khoán kinh doanh	121
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123
Phải thu khách hàng	131	740.427.032.138	740.427.032.138
Các khoản phải thu khác	135	11.615.064.956	13.965.953.019
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	55.317.975.202	56.441.261.181
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	20.646.116.301	19.522.830.322
Tài sản ngắn hạn khác	158	2.350.888.063	Phân loại lại
Tài sản dài hạn khác	268	2.761.683.184	- Phân loại lại
			2.761.683.184
<b>II. Nguồn vốn</b>			
Phải trả người bán	312	754.722.384.467	754.722.384.467
Người mua trả tiền trước	313	78.405.225.454	1.761.844.172
Vay và nợ ngắn hạn	311	698.800.278.325	698.800.278.325
Doanh thu chưa thực hiện	338	697.804.904.418	684.537.029.274
Doanh thu chưa thực hiện	338	45.649.705.172	58.917.580.316
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	30.048.287.656	106.691.668.938
Vốn điều lệ	411	1.246.198.090.000	1.246.198.090.000
			Đổi tên
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.911	5.322
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT</b>			
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	2014
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	340.469.037.093	Trình bày lại
			(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ
			Thay đổi các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)

*(Handwritten signature)*  
**Nguyễn Thị Thu Hương**  
Người lập biểu

Ngày 03 tháng 3 năm 2016

*(Handwritten signature)*  
**Đỗ Thị Hương**  
Kế toán trưởng

**Đỗ Thị Hương**  
Kế toán trưởng



**Vũ Thị Mai Hương**  
Phó Tổng Giám đốc